

# KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

## QUYỂN 1

*Pháp Sư Huyền Trang vâng chiếu dịch.*

### SƠ PHÂN DUYÊN KHỞI PHẨM THỨ NHẤT

(Giải thích đề Kinh bốn tiếng Phạm).

Bát 般 âm bát, Bốn âm Phạm là bát-la 鉢囉 (nhị hợp). Chữ La-Thủ-La (囉取囉) Thượng thanh. Lại bao gồm chuyển lưỡi đọc, tức là hai chữ hợp lại, hai chữ mỗi chữ lấy một nửa âm hợp là m một thanh. Xưa gọi là bát đó là sai là lược.

Nhã 若 Ngược lại âm 而者 nhi giả. Chánh âm Phạm là 枳孃 chỉ nương (nhị hợp). Âm 枳 chỉ ngược lại âm 雞以 kê dĩ. Chữ 孃 nương lấy Thượng thanh, hai chữ hợp lại thành một thanh. Xưa dịch là nhã, cũng là lược.

Ba 波 Chánh âm Phạm nên gọi là Bá 播 ngược lại âm 波 ba có. Đây là dẫn thanh.

La 羅. Chánh âm Phạm lẽ ra gọi là囉 la. Lấy chuẩn Thanh thượng 羅 la là thượng thanh, chuyển lưỡi đọc gọi là囉 la.

Mật Đa 密多. Chánh âm Phạm là 弭多弭 nhị đa nhị. Ngược lại nên nói đầy đủ là 迷以 mê dĩ.

Ma hạ 麼賀 dẫn, tới âm 鉢囉 bát la (nhị hợp), 枳孃 chỉ nương (nhị hợp) 播 Bá dẫn tới âm 囉 La chuyển lưỡi đọc 弭多 nhị đa. âm Phạm là 麼賀 ma hạ. Đại Đường âm là 鉢囉 bát La, cũng là hai âm hợp. 枳孃 chỉ nương, hai âm hợp lại. Đời Đường gọi là Tuệ 慧, cũng gọi là Trí Tuệ, hoặc đọc âm 播 bá dẫn đến âm gọi đúng là rõ biết nghĩa tịnh (hiểu biết nghĩa trong sạch). Đây gọi là giải.

La-Nhị-Đa 囉弭多. Đời Đường dịch là bỉ ngạn đáo. Nay hồi văn lại gọi là Đáo bỉ ngạn. Như trên, chỗ nói tuy là bốn chánh Tiếng phạm, lược âm, chỗ hành trì đã khó là cải chánh lại đọc là Bát-nhã Ba-La-Mật-Đa. Như thế truyền lâu rồi ở đời, người trí tuệ ngu muội cùng chỗ nghe ngày nay, soạn ra luận, chỗ giải trong kinh âm, văn chữ và giải thích Tiếng phạm không thể không nói đầy đủ. Nhưng muốn học hỏi kinh hiểu biết cho rộng là tri kiến nghe nhận biết phải là chân thật, chẳng phải sửa đổi bản dịch trong văn kinh. Như dưới đây các kinh, trong có chánh Tiếng phạm và văn luận, chữ chẳng phải đều đồng. Đây là nêu lấy hay bỏ, xưa nay đều nhận cho rằng tùy theo bốn chí.

Bạc-già-phạm 薄伽梵. Tiếng phạm Ngũ Ấn-độ và Đại Trí Độ

cho rằng: Hiệu tôn xưng của Đức Như lai, có vô lượng danh hiệu, nay chỉ lược mà nói, có sáu danh hiệu: Bạc-già-phạm, là tên gọi chung, nghĩa là rất tôn kính tôn xưng mỹ đức của Chư Phật. Xưa dịch là Thế Tôn, thế xuất thế gian, hàm nghĩa tôn trọng. Cho nên trong Luận Phật Địa có kệ tụng rằng:

*Tự tại xí thạnh và đoan nghiêm  
Danh xưng cát tường và tôn quý  
Sáu thứ như thế nghĩa sai khác  
Nên biết hiệu chung Bạc-già-phạm.*

Đây là bài văn ca tụng chứa đựng nhiều nghĩa, người dịch kinh còn giữ lại tiếng Phạm. Sau này có bốn tiếng phạm và Đà-la-ni cú chui đây nên biết.

Trọng Đảm 重擔. Ngược lại âm trên là 柱 勇 trụ dũng, chữ Thượng thanh. Ngược lại âm dưới là 耽 濫 đām lām. Quảng Nhã cho rằng: Đảm

là gánh vác, dùng cây mà gánh vật gì đó. Thuyết Văn nghĩa là đưa lên, nhắc lên. Chữ viết từ bộ 手 thủ, thanh 擔 đảm. Trong văn kinh có viết từ bộ 木 mộc viết thanh chữ 擔 đảm này là sai.

Đẳng vi 等為. Thuyết Văn viết chữ Đẳng từ bộ 竹 đến bộ 寺 tự. Ngược lại âm dưới là vinh nguy. Chữ vi trên viết từ bộ 爪 trảo. Trong văn kinh viết 為 vi này là sai lược.

Thôi diệt 摧滅. Ngược lại âm trên là 藏 雷 tàng lôi. Cố Dã Vương giải thích rằng: Thôi 摧 là bẽ gãy. Khảo Thanh cho là Chém bị thương. Thuyết Văn cho rằng: Dùng sức mà ép xuống, gạt đẩy ra. Âm 濟 tế, ngược lại âm 精 禮 tinh lễ. Chữ thôi viết từ bộ 手 thủ thanh 追 truy, ngược lại âm dưới là 彌 結 di kết. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng:

Là tiêu diệt. Ngọc Thiên giải thích rằng: Là chết mất, chìm mất. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thanh 威 uy, chữ viết 威 uy từ bộ 戌 tuất đến hỏa.

Hi di 熙怡. Ngược lại âm trên 虛 飢 hư cơ. Chữ tóm lại gọi là Hi là vui vẻ hòa hợp. Khảo Thanh cho rằng: Hi là tốt đẹp, chữ viết từ bộ hy ngược lại âm 必 遙 tất điều. Ngược lại âm dưới là 以 之 dĩ chi. Khảo Thanh cho là vui vẻ hòa duyệt. Thuyết Văn giải thích rằng: Hòa hợp. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 台 đài. Chữ đài vốn là chữ cổ, văn lấy từ nơi chữ.

Tần xúc 嗔蹴. Ngược lại âm trên là 毘 寅 tỳ dân, ngược lại âm dưới là 酒 育 tửu dục. Văn chữ nhóm lược cho rằng: Tần 嗔 là cau mày. Cố Dã Vương cho rằng: Tần xúc là lo lắng ưu sầu không vui. Khảo Thanh cho rằng: Xúc tứ, là hổ thẹn, thẹn thùng. Thuyết Văn cho rằng:

Lội qua nước thì gọi là Tần xúc. Văn cổ viết là 鬻 tần. Nay viết tĩnh lược. Dưới là âm xúc hoặc là viết 蹙 xúc cũng đồng. Văn cổ viết xúc. Trong văn kinh viết 蹙 xúc chẳng phải bốn chữ giải thích. Chữ 蹙 xúc này nghĩa là cùng cực, ép ngặt, là tội ác, là cấp bách thôi thúc. Chẳng phải nghĩa trong kinh.

Quái ngại 罍礙. Ngược lại âm trên là 華寡 hoa quả. Ngược lại âm dưới là 我蓋 ngã cái. Thuyết Văn cho rằng: Vương phải mảnh lưới giăng nên là m trở ngại. Chữ viết từ bộ 网 vông đến bộ 圭 khuê thanh 省 tỉnh. Ngại 礙 là dừng lại. Chữ viết từ bộ 石 thạch thanh 疑 nghi.

Xả ách 捨輓. Ngược lại âm ư cách. Văn thường hay dùng viết đúng là 輓 ách. Từ bộ 車 xa cho đến bộ 戶 hộ bộ 乙 ất. Trịnh Chúng chú giải Khảo Công Ký rằng: Cái càng lớn thẳng là ách bằng gỗ đẽ xuống cổ con trâu.

Ni-Sư-Đàn 尼師壇 là tiếng phạm nói lược. Nói đúng đầy đủ âm Phạm nên nói rằng: 寧史娜曩 Ninh Sử-Na-Năng. Đời Đường dịch là Phu cụ 孳具. Nay dịch là tọa cụ 具. Âm ninh ngược lại âm 寧頂 ninh đỉnh.

Lưỡng Phu 兩趺. Ngược lại âm 甫無 phủ vô. Văn thường hay dùng viết cho đúng là phu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Là mu bàn chân. Trong văn kinh viết bất chưa rõ nghĩa chữ này.

Lưỡng cân 兩跟. Ngược lại âm 罔恩 vông ân. Chữ thống nhất lại gọi là gót chân sau gọi là 跟 cân. Thuyết Văn cho là Gót chân. Chữ viết từ bộ 足 túc đến chữ 根 căn, thanh 省 tỉnh. Âm 踵 chủng ngược lại âm 腫 thủng.

Tứ quả 四螺. Ngược lại âm 華 hoa ngõa. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Mắt cá chân. Theo Thanh Loại cho rằng: Ngoài bàn chân phụ thêm cục xương, bên trong, bên ngoài là bốn cục mắt cá. Thuyết Văn cho là Mắt cá chân. Chữ viết từ bộ 足 túc, thanh khỏa, thanh 省 tỉnh. Âm khỏa đồng với âm trên.

Lưỡng hĩnh 兩脛. Ngược lại âm 形定 hình định. Văn Ngọc Thiên giải thích rằng: Bắp chân nhỏ từ mắt cá lên đến đầu gối. Thuyết Văn giải thích rằng: Chân đi. Âm hành ngược lại âm 幸 hạnh. Chữ viết từ bộ 肉 nhục, thanh khinh thanh 省 tỉnh. Âm 腓 phi ngược lại âm 肥 phì, nghĩa là cổ chân, bắp chân.

Lưỡng thuyên 兩. Ngược lại âm 遄奕 thuyên nhuyễn. Theo văn Tự Tập lược giải thích là bắp chân. Thuyết Văn cho rằng: Bắp chân to chỗ cục xương, hoặc là viết Chuyên đoán chuyên (專蹠). Bốn chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết từ bộ 肉 nhục âm 遄 thuyên âm 船 thuyên.

Lưỡng tất 兩膝. Ngược lại âm cốt dật (骨逸). Ngọc Thiên chú thích rằng: Tất là từ đầu gối trở lên. Thuyết Văn cho rằng: Là lóng xương đầu cổ chân. Chữ chánh thể viết từ bộ 卩 tiết viết thành chữ tiết, âm 卩 tiết (節) tiết. Âm 膝 tất là âm 七 thất. Trong văn kinh viết từ bộ 月 nhục viết thành chữ 膝 tất, có lúc cũng dùng chữ này.

Luỡng bễ 兩髀. Ngược lại âm 蠶米 bê mẽ. Khảo Thanh cho rằng: Bễ là xương đùi. Thuyết Văn nói chữ chánh thể viết 脾 tỳ, nghĩa là cổ chân. Thanh 萆 tỳ, hoặc viết là 埤 bì. Văn cổ chữ cổ. Nay trong kinh viết từ bộ 月 nhục viết thành chữ bễ là chẳng đúng. Vốn không có chữ này.

Yêu hiệp 萑脅. Ngược lại âm 香業 hương nghiệp, hoặc viết chữ 脅 hiệp này cũng đồng nghĩa. Thuyết Văn nói cho: là hai bên sườn. Chữ viết từ bộ 肉 thanh hiệp 荔 là âm diệp. chữ viết từ ba bộ 力. Trong văn kinh viết ba bộ 刀 刀 viết thành hiệp 脅 này là chẳng đúng.

Tề trung 臍中. Ngược lại âm tình hề 情奚. Chữ trong sách giải thích rằng: Cái rốn ở giữa bụng gọi là tề 臍. Thuyết Văn cho: Cái cuống rốn. Chữ viết từ bộ 肉 nhục thanh 齎 tề, hoặc âm dưới viết từ bộ 肉 cũng đồng chữ tỳ là âm 毘 tỳ.

Hung ức 臆. Ngược lại âm trên là 香邕 hương ung. Thuyết Văn cho rằng: Hung tùy. Theo chữ tùy tức là cái ngực, hoặc viết là 匈 hung, cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là 應力 ứng lực. Thuyết Văn cho rằng ức cũng là ngực. Chữ viết từ bộ 肉 nhục đến ức 億 thanh tỉnh 省. Trong kinh viết 月 nhục là sai.

Lưỡng dịch 兩腋. Ngược lại âm 盈益 doanh ích. Âm dưới là vưu diệp 尤亦. Đều là chữ thông dụng. Bì Thương cho rằng: Ở phía sau khuỷu tay, tức là dưới nách. Chữ đúng xưa nay viết là dịch cách 腋 腋. Chữ viết từ bộ 肉 nhục cho đến chữ dịch 液 thanh tỉnh 省. Âm 腋 là âm các 各.

Lưỡng bác 兩膊. Ngược lại âm 膀莫 bàng mạc. Tự tâm lại là Cái bả vai. Thuyết Văn cho là Cái vai. Chữ viết từ bộ cốt 骨 đến bộ bác 博 thanh tỉnh 省. Trong kinh phần nhiều viết từ bộ 月 nhục viết thành chữ bác 膊 này là sai. Ngược lại. Quách Phác cho rằng: Cát xé ngũ tạng con bò con dê gọi là bác 膊, chẳng phải nghĩa kinh. Âm 膊 là âm tỳ 卑. Âm từ bộ phủ 甫 đến bộ thốn 寸.

Luỡng trữu 兩肘, ngược lại âm 張柳 trương liễu. Thuyết Văn cho là Khuỷu tay. Chữ viết từ bộ 肉 nhục đến bộ thốn 寸, hoặc viết 扭扭 nữ nữ đều là chữ cổ.

Lưỡng tý 兩臂. Ngược lại âm 碑寐 bi mi. Thuyết Văn cho là cánh

tay, tức là phía sau tay, phía trước khuỷu tay gọi là cánh tay. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tích 辟.

Lưỡng oản 兩腕. Ngược lại âm 烏灌 ô quán, hoặc viết 挽 oản, đều là văn thường hay dùng. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ cho là sau Bàn tay. Dương Hùng giải thích rằng: Oản là cổ tay. Theo chữ oản viết từ bộ thốn 寸 khẩu 口. Trước và sau Nắm tay gọi là 腕 Oản.

Hang yên 頤脛. Ngược lại âm trên là 頤講 hạng giảng. Thuyết Văn cho là Phía trước gọi là cổ, phía sau gọi là gáy. Âm dưới là yến kiên 宴堅. Theo thanh loại cho rằng: Yên 脛 là cổ họng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Yên là yết hầu (cổ họng). Chữ đúng xưa nay viết từ bộ nhục 肉 thanh nhân 因. Theo chữ 脛 yên cho rằng: tức là cuống họng, gọi tên khác, hoặc viết là 脛 đều là chữ cổ. Trong kinh viết từ bộ khẩu 口 yên là chẳng đúng. Âm 頤 cảnh ngược lại âm kinh trình 經醒. Âm 暗 yên ngược lại âm 宴 yến. Âm ngōa 頤 ngược lại âm 頤江 (hạng giang).

Di hàm 頤頷. Ngược lại âm 以伊 dĩ y, ngược lại âm dưới là 含 朦感 hàm cảm. Tiếng địa phương cho là cái gò má, cái hàm hổ tương nhau. Theo Văn Tự tập lược cho là cái hàm. Thuyết Văn cho là Xương gò má, xương má và xương hàm nướng tựa nhau. Chữ viết từ bộ hiệt 頁, hiệt là cái đầu, đều là thanh di hàm 含. Trong kinh viết từ bộ mục 目 mục là chẳng phải. Âm di là âm 夷 di. Âm hài 頰 là âm hài 孩.

Giáp ngạch (頰額) ngược lại âm trên là 兼葉 kiêm diệp. Quảng Nhã cho rằng: Giáp (頰) là xương má. Thiên Văn Ngọc cho rằng: con mắt dưới lỗ tai phía trước gọi là giáp 頰 là gò má, hoặc viết từ bộ 肉 viết thành giáp 𩑦 cũng là thông dụng. ngược lại âm dưới là nha cách 牙格. Tiếng địa phương cho: ngạch (額) là cái trán. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ hiệt 頁 đến chữ cách 格 thanh 省 tỉnh. Trong văn kinh viết từ bộ khách 客 viết thành ngạch 額, cũng là văn thông dụng thường dùng.

Hào tướng 毫相. Ngược lại âm trên là hồ cao 胡高. Theo Tập Huấn cho là lông nhỏ đẹp dài nhọn. Ngược lại âm dưới là 息亮 tức lượng. Nghĩa là lông nhỏ dài ở giữa hai đầu chân mày của Đức Như lai. Trong kinh Quán Phật Tam-muội nói rằng: sợi lông trắng ở giữa hai đầu chân mày của Phật, dài một trượng ba thước năm tấc duỗi thẳng ra uốn vòng theo phía phải thành con ốc. Trong văn giải thích rằng: Đây là ba mươi hai tướng, là tướng tối thượng (trên hết).

Câu chi 俱胝. Âm 知 tri. Ở nước Thiên-trúc gọi là pháp số. Theo phẩm A-tăng-kỳ kinh Hoa Nghiêm chép: Mười vạn là một lạc-xoa.

Nước này lấy số một ức, một trăm lạc-xoa là m một câu-chi. Trong ba cấp pháp số, đây là tên giữa trong pháp số.

Na-dữu-đa (那庾多). Âm dữu 庾, ngược lại là âm Dương chủ 羊主. Cũng là tên pháp số. Xưa gọi là na-do-tha (那由他). Trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Câu chi là A dữu đa, lại trong pháp số là tên của đại số cao nhất, đều là tột cùng đến tận nơi vốn biến hóa không thể nghĩ bàn. Của tanh xưng đồng pháp số này.

Căng-già 兢伽. Là tên con sông ở Tây Thiên-trúc. Ngược lại âm trên là kỳ nghi 其疑. Âm dưới là ngữ khư 語祛. Đây là do âm Phạm viết ra. Tên dịch xưa là sông Hằng, tức là như trước đã nói là một trong bốn con sông lớn, sông ở phía Nam.

Ý sức (綺飾). Ngược lại âm trên là khi kỷ 欺紀. Theo sách Phạm Tử Kế Nhiên nói rằng: Lua hoa đẹp này xuất xứ ở nước Tề. Dùng theo hai màu sắc tơ lụa, dệt thành hoa văn, kế là dùng bông dày cuộn lại. Thuyết Văn nói rằng: Có vân có sọc đường viền. Chữ viết từ bộ 糸 thanh kỳ 奇. Ngược lại âm dưới là thương chức 商織 Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Dùng để trang sức y phục thật lộng lẫy. Khảo Thanh cho rằng: Trang điểm, dọn dẹp rất sạch sẽ. Thuyết Văn nói rằng: Là chà rửa quét dọn. Chữ viết từ bộ 巾 thanh thực 食.

Tín hoạt 信滑. Ngược lại âm trên tư kế 思計. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư cho là Sợi dây rất nhỏ mịn. Thuyết Văn cho là Rất bé nhỏ. Chữ viết từ bộ 糸 thanh tín 凶, âm 糸 là âm 覓 糸, âm tín 凶 là âm 信 tín. Ngược lại âm dưới là hoạn bát 患八. Quảng Nhã cho rằng: Hoạt (滑) là rất đẹp. Ngọc Thiên cho rằng: Không trơn tru, rít như sáp. Thuyết Văn nói rằng: Có lợi ích. Chữ viết từ bộ 木 thanh cốt 骨. Âm mỹ 嫩 là âm mỹ 美. Chữ mỹ là chữ cổ âm sắc 濼 là âm sắc 色.

Khinh nhuyễn 輕 奕. Ngược lại âm 乳 忪 nhũ xung. Khảo Thanh cho rằng: 奕 nhuyễn là yếu ớt. Vận Anh Tập cho là Mềm mại. Thuyết Văn thì chữ viết từ bộ 而 đến bộ đại 大. Lại chữ cổ viết nhuyễn. Thuyết Văn cho là Mềm mại như da thú. Chữ viết từ bộ bắc 北 đến bộ cổ 古 hoặc là viết hai chữ nhuyễn. Trong văn kinh viết nhuyễn 軟, là chẳng đúng, đều không phải chữ này.

Cực bạo (極爆). Ngược lại âm dưới là bao mạo 包貌. Quảng Nhã cho rằng: Bao là nóng bức. Khảo Thanh cho rằng: Thiêu đốt củi lửa cháy dữ dội phát ra tiếng nổ. Vận Anh Tập cho rằng: Đốt pháo gây ra tiếng nổ gọi là bạo 爆. Thuyết Văn cho là hun đốt. Chữ viết từ bộ hỏa, thanh bao. Âm trái với âm trai giá. Âm chước 灼 ngược lại âm 灼 灼



được 章藥.

Manh giả 盲者. Ngược lại âm 陌 彭 mạch bành. Thuyết Văn rằng: Có con mắt mà không có con người gọi là manh (tức là mù). Chữ viết từ bộ mục 目, thanh vong 亡. Trong văn kinh viết manh 盲, hoặc viết manh 盲, đều là văn chữ thường dùng.

Lung giả 聾者. Ngược lại âm 祿 東 lộc đông. Theo Tả truyện cho rằng: Có tai mà không nghe được hòa với năm âm gọi là lung 聾. Đỗ Dự giải thích rằng: Lung là tối tăm, Thuyết Văn cho là Lung là không nghe được.

Á giả 啞者. Ngược lại âm á giả 亞賈. Khảo Thanh cho rằng: Á là không thể nói được. Theo chữ Á là người tuy có nghe mà không dùng lời nói ra được. Thuyết Văn nói cho: Là người khiếm khuyết, khuyết tật. Chữ chánh xưa nay viết á ám 啞 暗. Từ bộ tật 疒 thanh á 亞. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu 口 viết thành á 啞 là chẳng đúng, âm ách 厄 thanh 笑 tiêu. Chẳng phải nghĩa trong kinh. Âm á, ngược lại âm ô da 烏耶, âm tật ngược lại âm nữ ách 女厄.

Tĩnh ngộ (醒 悟). Ngược lại âm trên là tinh tịnh 星 淨. Lại âm 星 tinh, Giả Quỷ cho rằng: Giải trừ say mê gọi là tỉnh, chữ hình thanh.

Bì đốn (疲 頓). Ngược lại âm trên là bì. Văn Ngọc Thiên cho rằng: “Bì” là mỏi mệt. Giải thích tên gọi là lao nhọc, chữ chuyển chú. Ngược lại âm dưới là 敦 循 đôn tuần. Khảo Thanh cho rằng: Rất là khốn khổ. Thuyết Văn cho rằng: dưới cái đầu từ bộ hiệt 頁 thanh là Hiệt thuần.

Lạc tĩnh 樂 靜 Ngược lại âm trên là ngũ giáo 五教. Âm dưới là tĩnh 靜. Theo Văn Ngọc Thiên cho rằng: Tĩnh là suy nghĩ, cũng gọi là nghỉ ngơi, cũng gọi là an ổn. Theo Văn Chứng Pháp cho rằng: Tĩnh là xa lìa nơi ồn ào vọng huyện gọi là tịnh. Đây là chữ chuyển chú.

Xả huyền 捨 誼. Ngược lại âm trên là vu viễn 圩 遠. Theo Thanh loại cho rằng: Huyền hoa là ồn ào náo nhiệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cũng gọi là ồn ào náo nhiệt, hoặc viết từ chữ quyền 𠂔 viết thành chữ huyền 誼, chữ hình thanh. Âm quyền là âm quán 灌 có từ bộ khẩu 口 viết thành chữ là văn thường hay dùng chẳng phải chữ chánh.

Diễm nhĩ 剌 爾. Ngược lại âm 暉 律 huy luật. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Huát là bỗng nhiên nổi lên. Âm thốt 猝, ngược lại âm thôn nột 村 訥. Từ tổng hợp lại gọi là Bỗng nhiên. Thuyết Văn cho là Bỗng nhiên có gió nổi lên. Chữ viết từ bộ Khiếm 欠 thanh diễm 剌.

Nhiều loạn 橈 亂. Ngược lại âm trên là nĩa giao. Quảng Nhã cho là nổi: Loạn lộn xộn. Thuyết Văn cho là quấy rối. Chữ viết từ bộ 手 thủ

thanh nhiều 蕘.

Anh tế 瑛 蔽. Ngược lại âm trên là anh kính 英 勁. Khảo Thanh cho là Anh sáng chói chang. Vận Anh Tập cho rằng: Ánh sáng chiếu một bên. Chữ viết từ bộ nhật 日 thanh anh 英. Trong văn kinh viết từ bộ 央 ương viết thành chữ là ương chẳng đúng. Ngược lại âm ô lãng 食 烏, không rõ ràng, chẳng phải nghĩa của kinh. Ngược lại âm dưới là tý (卑) kế 計. Quảng Nhã cho rằng: Ấn dấu, đè nén xuống. Sách Sử Ký cho rằng: Bị ngăn trở chướng ngại. Thuyết Văn nói cho là Cọng cỏ nhỏ. Chữ viết từ bộ 草 thảo, thanh tế 蔽.

Tô mê lô sơn 蘇迷盧山. Tiếng Phạm tên là Bảo Sơn, hoặc gọi là Tu-di sơn 須彌山. Hoặc nói là Di Lô Sơn 彌樓山. Đề là âm Phạm chuyển thanh không đúng. Đúng âm Phạm là Tô-Mê-Hư-Hư (蘇迷嘘嘘), chuyển lưỡi đọc. Đời Đường dịch là núi Diệu Cao. Trong luận Câu-xá gọi là Tứ Bảo. Chỗ thành là phía Đông bạch ngân, phía bắc là Hoàng Kim, phía Tây là Pha Lê, phía Nam là lưu ly xanh. Trong Đại Luận gọi là Tứ Bảo sở thành, gọi là diệu, là vì vượt hơn các núi, nên gọi là Cao, hoặc là núi Diệu quang, lấy bốn màu sắc là Bảo, Quang, minh và các màu khác chiếu sáng, nên gọi là “Diệu Quang”.

Kỹ nhạc (伎樂). Ngược lại âm kỳ ỷ 其 綺. Ngược lại âm dưới là ngũ giác 五角. Theo văn cho là năm thanh, tám âm. Đó là tổng gọi chung các tên, giống như tiếng trống dùng trong triều đại nhà Ngô, để lễ tế người chết có tiếng chuông hòa theo nên gọi là Ngô. Chữ viết từ bộ hổ 虍 đến bộ dị 異 viết thành chữ 彙 vị ngược lại âm cừ ngữ.

Bảo Đạc 寶. Trên là chữ Bảo. Thuyết Văn nói chữ bảo 寶 là từ bộ miên bảo. Bối 貝, âm bảo, đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là Đường Lạc 唐洛. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đạc là cái linh lớn bằng đồng, dùng là m hiệu linh.

Nam Thiệm Bộ Châu (南瞻部洲). Ngược lại âm thời lương 時 梁. Chữ khứ thanh, tiếng Phạm, đây là gọi chung quả đất. Xưa dịch là Diêm-Phù, hoặc nói là Diêm-Phù, hoặc gọi là Diêm Phù Đề, đều là tiếng Phạm. Chuyện đọc sai, đúng âm Phạm gọi là Tiềm-Mô-lập-thế. Trong Luận A-Tỳ-Đàm cho rằng: Có cây Thiệm-bộ mọc ở phía Bắc Châu này, ở chánh phía Nam ngạn sông Đà-La, ở trung tâm Châu này là phía Bắc nước chảy từ trên xuống, nước dưới gốc cây, phía Nam ngạn chảy xuống nữa có cõi Thiệm-bộ Hoàng Kim. Xưa gọi là Diêm Phù Đàn Kim Thọ. Vì màu vàng mà được tên Châu”. Vì tên cây mà đặt danh hiệu. Tên âm là thiệm-bộ của như Âm chiêm (譚). Ngược lại âm chi diệp 之 葉. Âm chiêm 蠶, ngược lại âm tâm lãm. Chữ Lãm lấy từ



Thượng thanh nên gọi là Lãm.

Đông Thắng Thân Châu 東勝身洲. Xưa gọi là Phất-Vu-Đãi, hoặc gọi là Phất-Bà-Đề, hoặc gọi là Tỳ-Đề-Ha, đều là tiếng Phạm, đọc có nặng có nhẹ không đồng. Đọc đúng âm Phạm là Bồ-la-Phước-vĩ-nễ-hạ (補羅縛尾賀), dịch nghĩa là thân thắng 身勝. Luận Tỳ-Đàm cho rằng: Vì cõi ấy hình thù của con người vượt hơn, nên thân thể không có tật bệnh, cao đến tám thước, nên gọi tên ấy.

Tây Ngưu Hóa Châu 西牛 () 洲. Xưa dịch là Cự-Già-Ni (瞿伽尼) hoặc là Câu-Đa-Ni (俱耶尼), hoặc nói là Cù Đà Ni 瞿陀尼, đều là âm Phạm. Tiếng nước Sở, Hạ nói không đồng, đúng âm Phạm là Quá-La-Ni 過囉坭. Hán dịch nghĩa là Ngưu hóa 牛 (). Trong Tỳ-Đàm Luận nói rằng: Vì cõi kia rất nhiều trâu bò, nên dùng chữ 牛 Ngưu Hóa là m tên. Âm cụ (瞿) ngược lại âm cụ ngu 具 愚. Âm La囉 ngược lại là âm vô khả 無可. Âm nĩ ngược lại là âm ni ni táp.

Bắc Câu Lô Châu (北俱盧洲). Xưa gọi là Uất-Đơn- Việt 鬱單越, hoặc gọi là Uất Đát La 鬱怛囉, hoặc gọi là Uất Đa La Câu Lô 鬱多囉拘樓, hoặc gọi là Úc Đa La Cừ Lưu 郁多羅鳩留 đều là tiếng Phạm đọc có nặng có nhẹ không đồng. Đúng âm Phạm là Ôn-Đát-La-Cự-Lỗ 塢怛羅炬嚕. Đây dịch là Cao Thắng 高勝. Trong Luận A-Tỳ-Đàm gọi là nơi này con người rất cao lớn sống thọ đến một ngàn năm, không có các khổ, thường hưởng thọ sự vui sướng hơn các cõi khác, nên gọi là Cao Thắng. Âm ôn ngược lại âm ô cốt 烏骨. Âm Lỗ 嚕 là chữ chuyển đọc. T. 315

Thiệu Tôn (紹尊). Ngược lại âm thời nhiều 時遶. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Thiệu 紹 là thừa kế. Giải thích tên gọi là từ xa. Sách Thụy Pháp giải thích rằng: Xa là thừa kế tiên vị gọi là thiệu. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh triệu 召, âm mịch 糸 là âm mịch 覓.

Thiên Hành (千莖). Ngược lại âm thanh canh 幸庚. Khảo Thanh cho rằng: Hành 莖 là thân cây, thân cây cỏ gọi là hành. Chữ viết từ bộ thảo, thanh tịnh.

Thính Vãng 聽往. Ngược lại âm thể doanh 體盈. Khảo Thanh giải thích rằng: lấy lỗ tai mà nghe cho kỹ, nghe theo, tin. Thuyết Văn cho là Lắng tai nghe. Chữ viết từ bộ đức 德 âm nhĩ 耳 thanh nhậm 任. Âm linh, là âm linh 靈, âm đức là âm đức 德. Âm nhậm ngược lại âm thể trình 體埤.

Phát dẫn (發引). Ngược lại âm trên là phan bát 番八. Thuyết Văn nói rằng: Bắn mũi tên ra. Chữ viết từ bộ cung 弓 đến bộ thù 殳, bát 𠄎. Nghĩa là tiếng của mũi tên bắn ra. Âm phan 番 ngược lại âm phát 𠄎

發班. Âm xa 賒 ngược lại là âm xà giá 蛇蔗. Âm thù 受 là âm thù 殊. Âm bát 𠄎 ngược lại âm phổ mạc 末普. Dưới là âm dẫn 引 ngược lại âm dẫn ấn 寅印. Chữ viết từ bộ cung 弓 đến bộ nhân (人). hoặc từ bộ 仁 (nhân) viết thành dẫn 引|. Thuyết Văn nói cho rằng mở cây cung ra, lấp mũi tên vào.

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 2 và 3**

Ban trưởng (脹 幃). Ngược lại âm trên là phổ bang 普邦. Ngược lại âm dưới là trương lượng 張亮. Bì Thương cho rằng: Bụng đầy hơi. Chữ viết đều từ bộ nhục 肉, hoặc là viết ban trưởng này cũng đồng, đều là chữ cổ.

Nùng lạn (膿 爛). Ngược lại âm trên là nô hồng 奴紅. Chữ đúng xưa nay gọi là Ung thư, mục ung phún máu ra. Thuyết Văn cho là Cái mụn sưng lên, phù lên tụ máu đỏ. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh nung. ngược lại âm dưới là lan đản 闌 袒. Tiếng địa phương cho là Lửa cháy nóng. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ hỏa thanh lan 闌.

Thanh ứ (青 瘀). Ngược lại âm trên là thích doanh 戚盈. là văn thường dùng, Thuyết Văn cho rằng: Chữ chánh thể viết từ bộ sanh 生 đến bộ đan 丹, viết thành chữ thanh 青, là theo lệ sách thường hay viết lược. Ngược lại âm dưới là ư cứ 於 據. Quảng Nhã cho rằng: Bệnh máu bị ứ không thể lưu thông. Thuyết Văn cho rằng: Bệnh ứ tụ máu. Chữ viết từ bộ tật 疒 thanh ứ. Âm tật 疒 ngược lại âm nữ 厄 nữ ách. Âm cứ 據 ngược lại âm cư ngự 居 御. Trong văn kinh viết 淤 ứ này là chẳng đúng. Chữ ứ (淤) này nghĩa là nước ở trong bùn. Chẳng phải nghĩa trong kinh.

Trác cảm (啄). Âm trên trác 卓. Quảng Nhã cho rằng: Trác (啄) là cắn. Thuyết Văn nói là Chim mổ thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu 口 thanh trác 啄. Âm ngược lại âm sủng duyên 寵緣. Trong văn kinh viết từ bộ trúc 筑 viết thành tráo 啄 là chẳng phải. Âm tráo 啄, ngược lại âm 圩 穢 vu uest. Ngược lại âm dưới là đường lã 唐. Quảng Nhã cho rằng: Cảm là ăn. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết yên 咽 hoặc viết đạm 啖 nghĩa cho ăn, đều là chữ thông dụng. Trong văn kinh viết đạm 淡 này là chẳng đúng. Chữ 淡 đạm này nghĩa là không có mùi vị, nghĩa là nhạt nhẽo, chẳng phải ý nghĩa trong kinh.

Ly tán (離散). Ngược lại âm tang tán 桑贊. Quảng Nhã cho rằng: Tán 散 là hư hoại. Thuyết Văn cho là Phân tán. Chữ viết từ bộ 肉 nhục thanh tán. Âm tán đồng với âm trên. Hoặc viết từ bộ 隹 viết thành chữ tán. Trong văn kinh viết từ bộ cộng 共 đến bộ 月 nhục đến bộ 殳 viết thành chữ tán 散 này là chẳng đúng.

Hài cốt (骸骨). Ngược lại âm hà giai 遐皆. Văn Ngọc Thiên cho là tên gọi chung các bộ phận thân thể là hài 骸. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh hài.

Yếm Thực 饜食. Ngược lại âm trên là 伊 y diêm. Khảo Thanh cho rằng: Yếm là no, mỗi một. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ viết 日. Chữ cổ là cam 甘, chữ đúng viết từ bộ khuyến 犬. Bộ khuyến cam 犬甘 đến bộ nhục 肉 hoặc viết là yếm này cũng đồng.

Xa-Ma-Tha (奢摩他). Là Tiếng Phạm, Hán dịch là chỉ tâm vắng lặng.

Tỳ-bát-xá-na (毘鉢舍那). Cũng là tiếng Phạm, Hán dịch là Quán, là quán pháp trí tuệ.

Tiếp tốc (捷速). Ngược lại âm tiêm diệp 潛葉. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tiếp 捷 là nhanh chóng. Vận Anh Tập cho rằng: Là mạnh mẽ, nhanh nhẹn. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh kiến 建, hoặc là viết tiếp kiến 建 đều thông dụng.

Giải Phế 懈廢. Ngược lại âm giai ích 皆唼. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Giải 懈 là mỗi một. Quảng Nhã cho là Biếng nhác, là m biếng. Thuyết Văn nói: Đãi 怠 là lười biếng, uể oải. Âm viết từ giá 嫁 là chẳng đúng.

Sàng Tháp (床榻). Ngược lại âm trên là trạng trang 狀莊. Theo văn Bát-nhã cho rằng: Chỗ nghỉ ngơi của người, dư tự an ổn. Thuyết Văn thì chữ viết từ bộ mộc 木 thanh tường 井, âm tường 井 là âm 牆 tường. Trong văn kinh viết sàng 床 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là thực đáp 食答. Trong văn Khuê Uyển chu Tụ ghi là Cái giường dài. Giải thích tên gọi là Cái giường hẹp mà dài gọi là tháp 榻. Quảng Nhã cho rằng: tháp bình 榻枰 là cái bàn cờ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc 木 thanh tháp. Âm tháp đồng với âm trên. Âm bình 枰 là âm bình 平.

Trì chiếu (池沼). Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nước đứng yên không chảy gọi là trì 池 tức là cái ao. Ngược lại âm dưới là chi nhiều 之繞. Đỗ Dự giải thích Tả Truyện rằng: Chiếu 沼 cũng giống như trì 池, nghĩa là cái ao mà lại uốn cong. Trì là cái ao tròn.

Bi hồ (陂湖). Âm trên là bi 悲, âm dưới là hồ 胡. Thuyết Văn cho rằng: Cái đầm nước lớn gọi là hồ 湖.

Tích nhất mao (析一毛). Ngược lại âm tinh diệc 星亦. Quảng Nhã cho rằng: tích (析) là phân ra. Thuyết Văn cho rằng: tích là phá bỏ, chặt cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thành tường 𣎵, hoặc viết từ bộ cân 斤 viết thành tích 析.

Khang thô 糠 Ngược lại âm trên là khẩu tức 口即. Quách Phác cho rằng: Là vỏ của hạt gạo, tức là cám. Thuyết Văn cho rằng: vỏ của hạt ngũ cốc. Chữ viết từ bộ hòa thanh kang 康. Chữ kang 康, viết từ bộ mễ 米 đến bộ canh 庚. Trong văn kinh viết dưới bộ thủy viết thành chữ kang 康 này là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là khô ngoại 枯外. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Chữ thô cũng giống như chữ kang 糠. Tóm lại cho rằng: Hạt gạo chưa có chà ra cám còn thô, còn gọi là gạo lức. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hòa thanh hội 會 âm thô 粗, là âm thô.

Quyên Thủ 絹取. Ngược lại âm 決 忭 quyết xung, Khảo Thanh cho rằng: Dùng sợi dây bắt loài cầm thú. Chữ viết từ bộ võng 网 thanh quyên 絹, hoặc viết từ võng quyên, đều đồng nghĩa.

Nhiều nảo (擾惱). Ngược lại âm trên là nhi mịch 而汨. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhiều là gây rối loạn, quấy phá. Thuyết Văn cho rằng: Phiền nảo. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ưu 憂. Âm ưu ngược lại âm nô cao 奴高. Tập Huấn Truyện cho rằng: Trong lòng buồn phiền uất kết, mà sanh ra phiền nảo buồn rầu. Thuyết Văn cho là Có chỗ đau khổ, oán hận. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh nảo. Âm nảo đồng với âm trên, viết từ chữ 凶 tín, âm tín là âm 信 tín, giống như bộ xuyên 川, phát 髮 là tóc. Trong kinh viết chữ sơn 山 là chẳng đúng.

Hung Đảng (兇黨). Ngược lại âm trên là 鬲 恭 húc cung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hung (兇) là tội lỗi. Vận Thuyên Tập cho: là người thô ác. Thuyết Văn cho: là người ác, sợ hãi. Theo người xưa cho rằng: Ở trong điềm không tốt là nh, điềm không may là chữ hội ý. Nay trong kinh viết từ chữ ngọt 兀 là sai. Ngược lại âm dưới là đương lãng 當朗. Chữ viết đúng là đấng, hoặc là viết từ bộ nhân 人 viết thành chữ đấng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giúp nhau là m điều chẳng phải gọi là Đảng. Thuyết Văn cho rằng: Là bạn bè đông đảo, chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảng 黨.

Khôi quái (魁膾). Ngược lại âm trên là khổ hoàn 苦環. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khôi 魁 là thầy. Quảng Nhã cho rằng: Là người chủ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký: là người

đứng đầu. Theo sách Sử Ký cho rằng: Là người mạnh mẽ, cao lớn. Chữ viết từ bộ 鬥 đầu đến bộ quỷ 鬼. Ngược lại âm dưới là hoài ngoại 懷外. Quảng Nhã cho rằng: Quái (膾) là thịt cắt ra, băm nát. Theo chữ Khôi quái (魁膾) nghĩa là người giết mổ hung ác. Chữ viết từ bộ Nhục 肉 thanh hội 會.

Oán địch (怨敵). Ngược lại âm trên là ư viễn 於遠. Khổng An Quốc giải thích sách Thượng Thư cho là Oán cừu với nhau. Khảo Thanh cho là ghét. Cố Dã Vương cho là Hận, oán trách. Thương Hiệt giải thích rằng: Hận thù lâu đời. Thuyết Văn cho là Sân hận. Chữ viết từ bộ 心 thanh oán, hoặc viết là là oán. Ngược âm dưới là đình lịch 亭曆. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chữ địch 敵 cũng giống như chữ đối 對, nghĩa là đối địch nhau. Thuyết Văn nói là cừu địch. Chữ viết từ bộ Truy 又 thanh địch âm địch là âm đích 臈.

Tứ cầu (伺求). Ngược lại âm trên là 司恣 tư tứ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tứ là theo dõi, xem xét, nhìn ngó. Cố Dã Vương cho rằng: Hầu hạ, phục dịch. Chữ trong sách cho rằng: Chú ý, theo dõi, nhìn theo, ngược lại âm thanh dự 青預. Thiên Thương Hiệt viết chữ tứ 伺, Quảng Nhã viết chữ tư. Nghĩa là ba người cùng nhau hầu hạ, phục dịch. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ Nhị 二 đến bộ Khuyển 犬 đến bộ Thần 臣 viết thành chữ thứ cũng giải thích đồng với âm trên.

Chiên-Trà-La (旃茶羅), Là Tiếng Phạm, ngược lại âm trên là chi nhiên 之然. Ngược âm kế là trạch da 宅耶. Chánh âm Phạm là nô nhã 奴雅. Ngược lại trong văn kinh viết âm trà 茶, âm này không cần thiết. Xưa gọi là Chiên-Đà-La 旃陀羅 đều sai. Tây vực ký chép: Đồ quái chủ sát 屠膾主殺, là người giữ ngục. Vì nước kia thường chế ra pháp luật dùng roi da để đánh, loại hình phạt này khi người đi đường bên trái thì bắt giữ lại chặt cây trúc, hay là lắc cái linh cho nghe tiếng, tự thân run sợ mà tránh đường, vì cho rằng người không sạch sẽ là hạng người thấp kém. Nếu không là m như vậy thì nước này không có hình luật nghiêm, Vua thị phạt người này rất rõ ràng để nói lên đơ uế, sạch sẽ có khác.

Trúc vi 竹葦. Thuyết Văn cho rằng: Trúc 竹 là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là vi quỷ 為鬼. Thuyết Văn cho rằng: Cây lau lớn, chữ viết từ bộ Thảo 草 thanh vi 韋. Theo chữ tức là cây mía lớn.

Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm Phần (嗚波尼殺曇分.) Tiếng Phạm gọi là số cực lớn trong Pháp số. Người xưa dịch là “Nhân quả” không tương tự, lực có thể vượt qua. Trong Đại luận dịch là Nói phân tích rất nhỏ, cũng giống như phân tích sợi lông, cho rằng trăm phần lại phân chia ra một

phần trăm ngàn muôn phần, lại nơi chỗ phân tích nhỏ nhít đó trong phần trước chỗ phân tích cực nhỏ cho đến chỗ không còn phân tích được nữa, thì gọi là Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm-Phần.

Pha năng 頗能. Ngược lại âm ba khả 波可, hoặc viết là khu 區. Khảo Thanh cho là không thể. Trong Văn Tự Tập Lược cho rằng: Chữ 頗 cũng giống như chữ 可 khả, đều là từ ngữ.

Huỳnh hỏa (螢). Ngược lại âm huyệt dinh 穴羸, hoặc là viết huỳnh 熒. Nguyệt Linh cho rằng: Cỏ mục hóa thành con đom đóm.

Xí thanh 熾盛. Ngược lại âm trên là xương chí 昌志. Mao Thi Truyện cho rằng: Xí 熾 cũng giống như Thanh. Nghĩa là lửa hừng hực. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hỏa đến bộ thức thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là thành chánh 成正. Khảo Thanh cho rằng: là cường thịnh, nhiều đầy, thịnh vượng. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ mãnh 𠂔 thanh thành 成.

- Quyển 4,5,6,7 ba quyển này không giải thích.

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 8

Manh minh (盲莫). Ngược lại âm mạc bình 莫瓶. Khảo Thanh cho là tối tăm, cũng gọi là đêm tối. Thuyết Văn cho rằng: Âm u theo ngày, số ngày mười sáu mỗi tháng mười sáu ngày tháng bắt đầu thiêu một ngày cho nên dần dần u tối. Chữ viết từ bộ miên thanh diệc 亦. Âm mịch 𠂔 là âm mịch 覓. Trong kinh viết từ bộ miên, đến bộ cụ 具 viết minh 莫 nấy là chẳng đúng.

Du Thiện Na (躄繕那). Ngược lại âm trên là dương chu 羊朱. 繕 Thiện là âm thiện 善. Xưa gọi là do-tuần 由旬, hoặc do diên 由延, hoặc 躄 碑 那 du-xà-na, đều là tiếng Phạm chuyển đọc sai, lược. Gọi đúng là 躄 繕 那 Du thiện na, như trên. Ngày xưa, Thánh Vương đi hành quân lộ trình một ngày. Trong các Kinh luận phiên dịch trước và sau lẫn nhau nói không đồng, văn cú sinh ra nhiều, có lược bớt mà không nói rõ. Nay lại xét Tây vực ký rằng: Du-thiện-na, đó là từ xưa Thánh Vương lộ trình đi hành quân. Xưa truyền lại rằng: Một du thiện na có bốn mươi dặm, mà nước Ấn-độ thường dùng ba mươi dặm. Trong Thánh Giáo ghi chỉ có mười sáu dặm. Như trên trong các kinh luận chỗ nói có sai khác hau không đồng. Xét kỹ các kinh luận thì có khác mà cũng có chỗ y cứ



dựa theo, hoặc là lấy theo Thánh Vương, hoặc là lấy thước tay, hoặc là lấy theo thước xưa, lấy hay bỏ đều tùy theo nơi chỗ mà có khác, nhưng cuối cùng là lấy theo ngày lộ trình hành quân của Thánh Vương. Trích lấy trong đó là thật. Nay theo Tây Vực ký thì ba mươi dặm là nhất định. Pháp Sư Huyền Trang, đích thân khảo sát chọn lựa xa gần. Đây là viết theo phụng đối của vua Thái Tông, giữa chỗ khảo sát là thật, chân thật, cho nên dựa theo chỗ khác đều theo.

Tát Ca Tà Kiến (薩迦邪見). Ngược lại âm cương khứ, là Tiếng Phạm Hán dịch là Thân kiếm ngoại đạo, nghĩa là bất chánh kiến.

Điệu cử (掉舉). Ngược lại âm trên là 亭弔 đình điệu. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Diệu (掉) là lắc lư, động đưa. Vận Anh Tập cho rằng: Động, lay động, không đứng yên. Quảng Nhã cho là Hăng hái. Thuyết Văn nói viết từ bộ 手 đến bộ điều thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là cư ngữ 居圉. Chữ trong sách giải thích rằng: Nhô lên, nổi lên, khiến cho cao hơn. Thuyết Văn giải thích: Nêu lên, nâng lên. Chữ viết từ bộ Thủ 手 thanh dữ 與.

Lai nhiều 來嬌. Ngược lại âm nê điệu 泥鳥. Thuyết Văn giải thích rằng: Là m trò vui đùa. Chữ hình Thanh. Trong văn kinh viết nhiều, nghĩa là chọc gheo nhau, cũng là văn thường dùng.

Tổng nhiếp (摠攝). Ngược lại âm tổ đồng 祖董. Khảo Thanh cho rằng: điều bằng nhau, nắm giữ lấy. Ngọc Thiên cho rằng: Tướng lĩnh, đều ban ra. Thuyết Văn nói gom nhiếp chung, nghĩa gồm nắm lấy tất cả cột lại. Chữ viết từ bộ Mịch 糸 thanh hốt 忽. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 viết thành chữ nhiếp là văn tự thường dùng. Ngược lại âm dưới là khổ điệp 苦葉. Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết từ bộ 手 nhiếp chung, âm nhiếp ngược lại âm thất điệp 失葉.

-----

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA- QUYỂN 9

Sơn nhai (山崖). Ngược lại âm nhã giai 雅皆. Vận Anh Tập giải thích rằng: Vách núi, đường biên cao. Tập Huấn Truyện giải thích rằng: Núi ở chỗ biên giới. Thuyết Văn giải thích rằng: Nơi biên giới cao. Chữ viết từ bộ Nhai đến bộ Khuê 圭 thanh tỉnh 省, Âm 岸 ngạn ngược lại âm ngũ hại 五割.

Lăng hư 陵虛. Ngược lại âm lực矜 lực căng. Chữ chánh thể viết

từ bộ Lực 力 viết thành chữ lãng. Ngọc Thiên giải thích rằng: Lãng là xâm phạm. Thuyết Văn viết chữ 𠄎 lãng này. Lãng là vượt qua, tiến lên, siêu việt. Trong văn kinh viết từ bộ 阜 Phụ viết thành chữ lãng 陵, là chữ mượn dùng chẳng phải chánh thể.

Như Liệu (如燎). Ngược lại âm liệu 烏 điều liệu diêu 遠銚, hai âm. Khảo Thanh cho là lửa cháy nhẹ. Tự Thư giải thích rằng: Cây đèn cây trước sân gọi là liệu 燎. Thuyết Văn cho rằng: Cây đuốc lớn. Chữ viết từ bộ hỏa, thanh liệu, âm liệu.

Vấn Ma 摩. Ngược lại âm vũ phấn 武粉. Quảng Nhã cho là Lau chùi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Thủ 手 thanh văn 文.

Hấn Tâm (饜心). Ngược lại âm hân cấn 欣艱. Khảo Thanh cho rằng: Hấn là tội lỗi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hấn là hiềm khích. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hấn-động nghĩa lấy máu con vật cúng tế. Thuyết Văn nói viết từ bộ đậu 酉 đến bộ phân 分, đến hưng thanh tỉnh 省. Trong văn kinh viết hấn 饜 là văn thường dùng là sai.

Kịch Khổ (劇苦). Ngược lại âm kỳ nghịch 奇逆. Tiếng địa phương cho rằng: Bệnh ít từ từ thuyên giảm, mà cộng thêm chữ kịch 劇 nữa. Cố Dĩ Vương cho rằng: Kịch là rất nặng, gọi là càng ngày càng thêm nặng như trước. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ đao 刀 thanh kịch. Trong kinh viết 劇 là văn thường dùng là sai.

Bất Khứ 不嗅. Ngược lại âm hứa cứu 許救. Vận Anh Tập cho rằng: Dùng mũi mà lấy hơi. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Ty 鼻 thanh xú 臭.

Duy nhiên (唯然). Ngược lại âm duy quý 惟癸. Người xưa nói rằng: Duy là giữ gồm duy trì. Nay nói rằng: Tóm lại các nghĩa. Trịnh Huyền cho rằng: Ứng từ là giữ lại sự cung kính các nơi.

-----

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 10

Đại Âm Quang (大飲光). Tức là danh xưng tốt đẹp của Ngài Đại Ca-diếp-ba. Trong Luận Đại Tỳ-Bà-Sa giải thích rằng: Thời thượng cổ có một vị Tiên, thân có ánh sáng rực rỡ, có thể nhiếp hết tất cả các ánh sáng khác, là m cho không thể hiện ra được, cho nên hiệu là Âm Quang Ma ha Ca-Diếp Ba là . Đây là chủng loại của vị Tiên kia, thân có màu vàng ròng rực rỡ, Thế cho nên người đời mới lấy hiệu là Đại

Âm Quang.

Loa bối 貝. Ngược lại âm hư hòa 虛. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con ốc sên, con tò vò, các loại côn trùng. Trong văn kinh viết loa là con ốc. Văn thường dùng. Dưới là chữ bối 貝. Thuyết Văn nói cho rằng dùng chữ tượng hình.

San hô 珊瑚. Ngược lại âm trên là tang an 桑安. Âm dưới là hộ cổ 戶牯. Hán Thư cho rằng: Ở nước Kế-tân, sản xuất loại San hô quý báu, màu sắc này đỏ hồng mà chiếu ánh sáng nhỏ ly ti, loại San hô thường mọc dưới biển lớn, hoặc là xuất ra tên của núi giống như loại cây, có nhánh mà không có lá, lớn có thể cao hơn một thước.

Thính Hứa (聽許). Ngược lại âm thể doanh 體盈. Trước đã giải thích rồi.

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 11

Đầu cảnh (頭頸). Ngược lại âm kinh tỉnh 經井. Đã thấy trước giải thích không trùng lặp.

Huyễn Sự (幻事). Ngược lại âm hoàn quán 還慣. Cổ Dã Vương giải thích rằng: Huyền gọi là tướng lừa dối người mắt bị bệnh loạn. Thuyết Văn cho là tướng dối trá, huyền hoặc. Chữ viết từ bộ yêu 尪. Ngược lại âm ư điều 於條, cũng viết từ chữ huyền 幻.

Mộng cảnh (夢境). Ngược lại âm 蒙洞 蒙洞. Thiên Thương Hiệt giải thích là mộng tưởng. Thuyết Văn cho là Ngủ say không tỉnh giấc. Chữ viết đúng là mộng, nay viết lược. Ngược lại âm dưới cư 影居. Văn thường dùng. Gọi là cảnh giới. Chữ viết từ bộ thổ thanh cánh 竟.

Tâm Hương Thành (尋香城). Xưa gọi là Càn-Thát-Bà-Thành 乾闥婆城. Đời Đường tiếng Phạm tuy có đặt biệt khác nhau nhưng thật ra chỉ có một. Luận Du-già giải thích rằng: Lạc âm, là âm thanh vui, ở phía Đông Địa thuộc, Trì Quốc Thiên Vương, ở phía Đông thường cùng với các vị trời tấu nhạc, ở cõi trên vui chơi. Vì năng lực nghiệp cảm, cho nên các cõi trời nhớ nghĩ lúc vui mà tìm thần hương, tức là khi cảm đến lòng lay động, nghe mùi hương cõi trời kia mà tìm đến các Thiên nữ tấu nhạc để tìm thú vui, hoặc gọi là thần Thực hương. Theo đây cõi trời chỗ ở thành quách hoặc ở tầng cao nhất núi Tu-di, hoặc ở bảy lớp núi vàng, hoặc ở trên hư không, hoặc ở trong nhân gian. Thành quách của cõi trời

này phần nhiều là ở trên đất bằng, hoặc là ao hồ, biển lớn, hoặc ở nơi sa mạc hư không khoáng dã chỗ không có người. Cảnh giới hóa, hiện giống như ngôi thành Xa, gần phân ra rõ ràng. Khi xem xét thì liền diệt mất. Giới như ngọn sóng, màu sắc của mây, loại khí dương.

(*Kinh từ quyển thứ 12 trở xuống đến hết quyển 35 gồm 24 quyển không cần phải giải thích âm dịch ra văn.*)

-----

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 36

Tứ Hệ (四繫). Âm dưới là 計. Tứ hệ nghĩa là mong muốn, vì có vô minh nên thấy là có bốn.

Phấn Tấn (奮迅). Ngược lại âm trên là phân vấn 分問. Quảng Nhã cho rằng: Phấn chấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Là động, chấn-động. Thuyết Văn cho là bay vút lên. Quách Phác chú giải rằng: Huy 翬 là con chim trĩ, cũng gọi là dáng mạo bay vút lên cao. Chữ viết từ bộ đại 大 đến bộ chuy 隹, đến bộ 田. Tự Thư giải thích rằng: Con chim lớn ở cánh đồng muốn bay gọi là phấn 奮. Văn kinh viết từ bộ cữu 臼 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là cầu tuấn 俊苟. Quảng Nhã cho rằng: Phấn tấn, tâm hồn bay bổng lên mây, như cánh chim. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tấn 迅 là mau, nhanh như chớp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ xước thanh tấn 殳. Âm huy 翬 là âm huy 暉. Âm truy là âm tuy 雖. Âm xước ngược lại âm sừ lược 丑略. Âm tấn 殳 là âm tín 信.

Khiếm Khứ (欠去) Âm khứ 去. Trong Khuê Uyển Chu Tùng cho rằng: Vì muốn dẫn hơi mà căng cái miệng ra gọi là khiếm khứ 欠 去. Giải thích văn gọi phùng cái miệng để hơi thổi ra, cũng giống như hơi đi lên của người mà phát ra. Chữ tượng hình từ bộ 欠 khiếm thanh khứ 去. Âm ngộ 悟 là âm ngộ 悟. Trong văn kinh viết từ bộ khẩu 口 mà phát ra tiếng chẳng phải nghĩa này.

Đẳng dưng (等涌). Trên là chữ 等 đẳng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trúc 竹 từ chữ tự 寺, trải qua từ bộ thảo 草 chữ tục. Ngược lại âm dưới là 容腫 dung thũng. Cố Dã Vương giải thích rằng: Nước sôi trong suốt trào lên. Thuyết Văn cho là Nước dâng lên. Chữ viết từ bộ Thủy, thanh dưng 涌, hoặc viết chữ dưng 湧.

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 37**

Triền nhiễu (纏擾). Ngược lại âm trên là triệt liên 徹連. Khảo Thanh cho rằng: Triền là buộc lại. Theo Khuê Uyển Chu Tòng cho rằng: Thiên phược (纏縛) là bị vợ con thân ái ràng buộc, không dứt ra được. Thuyết Văn gọi là buộc chặt. Chữ viết từ bộ Mịch 糸 thanh triền 塵, triền ở đây đồng với âm trên. Trái qua chữ triền 纏 là viết lược. Ngược lại âm dưới là nhi chiếu 而沼. Như trước quyển ba đã giải thích đầy đủ.

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 38**

Siểm cuống (詔誑). Ngược lại âm trên là sữu nhiễm 丑染. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Siểm (詔) là nịnh bợ. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Ngôn 言 thanh siểm, âm siểm là âm hãm陷. Trong văn kinh viết từ bộ Cửu 臼 là sai âm hiểu ngược lại âm dương tiểu 羊小. Ngược lại âm dưới là quỷ trầm 鬼沉. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cuống (誑) là lừa dối hoặc loạn, mê hoặc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho: là khinh khi. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ Ngôn 言 thanh cuống 狂, hoặc viết từ bộ cuống (誑).

*(Quyển 39, 40 không có âm để giải thích.)*

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 41**

Kiện hành (健行). Ngược lại âm cửu sản. Khảo Thanh cho rằng: Kiện là có sức mạnh. Theo Tập Huấn Truyện cho là Có sức mạnh chống lại kẻ địch. Theo thuyết giải thích là kháng cự lại, chữ viết từ bộ nhân 人 thanh kiến 建. Âm kinh 勁 là âm kính 涇. Âm tiệp 健 là âm tiềm điệp 潛葉. Âm kháng 抗 ngược lại là âm khẩu lãng 口浪.

Bất Huyền 不眩. Ngược lại âm huyền quỳên 玄絹. Ngọc Thiên cho là đưa mắt ra hiệu, chuyển động. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng:

Huyền là nhìn. Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Mục 目 thanh tuần 旬, chữ tuần 旬 từ bộ mục 目. Trong văn kinh viết chữ tuần 旬 là âm thuận là chẳng đúng, âm tuần 旬 là âm huyền.

Hà Khích (瑕隙). Ngược lại âm trên là hồ da 胡耶. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký là :Vết nứt của ngọc, ngọc có dấu vết. Quảng Nhã cho là Vết nứt. Ngọc Thiên giải thích: là ướm dơ xấu. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 主 đến bộ hà thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là hương nghịch 逆. Thuyết Văn cho rằng: Vách tường nứt ra có khe hở lỗ hồng. Chữ viết từ bộ phụ 阜 đến bộ bạch 白. Trên dưới bộ tiểu 小. Trong văn kinh viết từ bộ tả viết thành khích là chẳng đúng.

Huyền Trách (諠諍). Ngược lại âm hương viên 香袁. Trước quyển nhất đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới trách cánh 責更. Quảng Nhã giải thích rằng: Trách (諍) là khuyên can, can ngăn. Thương Hiệt giải thích là Tranh cãi. Thuyết Văn cho là Dừng lại, ngăn lại. Chữ viết từ bộ Ngôn 言 thanh tranh 爭.

Phiêu tán 飄散. Ngược lại âm trên là 匹遙 thất diêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Gió cuốn bốc lên, giống như thổi. Thuyết Văn cho là Gió đàn hồi lại cuốn xoáy tròn. Chữ viết từ bộ 風 Phong thanh phiêu. Âm phiêu đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là tảng tán 噪贊. Trước quyển thứ ba giải thích đầy đủ.

Ế Âm (翳闇). Ngược lại âm y kế 伊計. Vận Anh Tập cho rằng: Ế là bị ngăn che. Quảng Nhã cho rằng: Bị chướng ngại. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Vũ 羽 thanh y, âm y đồng với âm trên.

Cự Xí (炬熾). Ngược lại âm cử 渠呂. Sách Quế Uyển Chu Tông cho là Bó trúc cháy rực, chiếu sáng. Ngược lại âm dưới là xương chí 昌至. Thuyết Văn cho là Lửa cháy dữ dội, chữ viết đều từ bộ hỏa, đều là chữ hình thanh.

Bất Hỷ (不喜). Ngược lại âm 希記 hy kỷ. Theo sách Toán Vận cho rằng: Hỷ là tốt đẹp, Thuyết Văn cho là Ý vui vẻ. Chữ hình thanh.

Sào huyết (巢穴). Ngược lại âm sàng hào 床爻. Theo Mao Thi Truyện cho là Có ổ chim Khách. Trịnh Huyền, Trịnh Tiễn chú giải rằng: Con chim Khách là m tổ vào mùa đông đến gần mùa xuân mới xong. Thuyết Văn cho là Con chim ở trên cây, là chữ tượng hình. Trong văn kinh viết từ bộ quả 果, là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là huyền quyết 玄決. Thuyết Văn cho rằng: Có đất trong nhà, chữ viết từ bộ miên âm miên 綿 thanh bát 八.

Phiêu Xí (慄幟). Ngược lại âm trên là tất diêu 必遙. Sách Quế Uyển Chu Tông cho là loại cờ phướn. Thuyết Văn cho là 慄 tức là



phước. Chữ viết từ bộ thanh, Âm phiêu, phiêu ngược lại âm thất điều 匹遙. Trong văn kinh viết từ bộ mộc 木 đến bộ thủ 扌 là chẳng phải nghĩa ở đây dùng. Ngược lại âm dưới là xỉ chí 齒志. Quảng Nhã cho rằng: Xí (幟) là phước, phan. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cân 巾 thanh tỉnh 省.

Sác Thủ Thú (數取趣). Ngược lại âm sương thúc 霜叔. Tả Truyện cho: là số mà số không có bắt đầu và kết thúc.

(Quyển 42, không có âm giải thích.)

-----

### KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 43

Đốt Nam (咄男). Ngược lại âm đô cốt 都骨. Thuyết Văn cho rằng: Đốt (咄) là cùng nhau ca hát. Chữ Nam 男 Thuyết Văn viết từ bộ điền 田 đến bộ lực 力.

Hủy Tý 幘皆. Ngược lại âm 暉鬼 huy quý. Nhĩ Nhã cho là Hủy hoại, phá hư. Quảng Nhã cho rằng: Hủy là hao tổn. Thuyết Văn cho là thiếu. Người xưa cho rằng: Đào đất là m cái cối, hủy hạt lúa ra là m hạt gạo, lấy gạo giã thành cám trong cối đất. Chữ viết từ bộ Thổ 土 đến Hủy thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là tư thử 茲此. Vận Anh Tập cho rằng: Mãng nhiếc, chỉ trích, chê bai. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Khẩu 口 thanh thử 此, hoặc viết từ đều đồng nghĩa.

Quý Phạm (軌範). Ngược lại âm câu vĩ 俱偉. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Quý (軌) là phép tắc. Thuyết Văn cho rằng: Quý là cang xe. Chữ viết từ bộ Xa 車 bộ phạm 範 thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là phò ảm 持黯. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phạm (範) cũng là phép tắc, thường dùng. Ngọc Thiên cho rằng: Phương pháp đúc kim khí. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Phạm 范 thanh tỉnh 省. Âm cứu 兗 là âm quỷ 鬼 ừ.

(Quyển 44, 45 hai quyển này không có âm giải thích.)

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 46**

Ly Ly gián ngữ (離離間語). Trên là chữ ly 離 âm lợi 利, dưới là chữ ly 離 âm lê 梨. Âm gian 間 khứ thanh.

Hàng Trưởng (洺脹). Ngược lại âm trên là phổ giang 普江. Ngược lại âm dưới là trương lượng 張亮. Quyển trước âm nghĩa đã giải thích đầy đủ.

Thanh ứ (青瘀). Ngược lại âm ư cứ 於據. Trong kinh viết 瘀 ứ này là chẳng đúng.

Trác cảm (啄敢). Ngược lại âm trên là trác 卓. Dưới là lãm 談

. Hài cốt (骸骨). Ngược lại âm hộ giai 戶皆.

Kiểu hại (矯害). Ngược lại âm trên là cư yếu 居夭. Khảo Thanh cho rằng: Kiểu 矯 là đối trá, giả dối. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kiểu cũng là đối trá lừa gạt. Thuyết Văn chữ viết từ bộ Thủ 手 thành chữ kiêu 矯. Nghĩa là kiêu căng. Ngược lại âm dưới là hải cái 駭蓋. Thuyết Văn cho là Bị tổn thương. Chữ viết từ bộ miên 冫 âm miên 綿, từ bộ khẩu 口 thanh phong 丰, âm phong 丰 là âm giới 介.

Tật Khan (嫉慳). Âm trên là tật 疾, Vương Dật chú giải sách Sở Tử rằng: Hai người hiền gọi là tật 嫉. Ngược lại âm dưới là khanh nhàn 坑閑. Vận Anh Tập giải thích rằng: Tiếc kiệm, tần tiện, bủn xỉn, keo bần. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Khan gọi là hà tiện. Tự Điển giải thích: là tham, chữ viết từ bộ Tâm 心 thanh kiên 堅.

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 47**

Hoàn Khải (儼鎧). Âm trên là hoạn 患. Quế Uyển Chu Tông giải thích rằng: Dùng thân mặc áo giáp gọi là hoàn 儼. Nay tương truyền rằng: Là theo thói quen. Ngược lại âm dưới là khai cái 開蓋. Thuyết Văn cho rằng: Khải là có áo giáp. Theo văn Tự Tập Lược cho rằng: Lấy da màu vàng mà che thân gọi là khải 鎧. Nay văn thông dụng là lấy là m âm thanh. Ngược lại âm khổ cải 苦改. Tức giáp trụ (áo giáp mặc đi đánh giặc thời xưa).

Khoáng Dã (曠野). Ngược lại âm khổ hoăng 苦晃. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngoài hoang dã là khoáng không

mênh mông, bãi tha ma. Khảo Thanh cho: là nơi hoang vắng, mênh mông không người. Quảng Nhã cho là to lớn. Thuyết Văn cho rằng: Nơi một huyết, nơi an nghỉ của người quá cố. Chữ viết từ bộ Thổ 土 thanh quảng 廣. Trong văn kinh viết khoáng 曠 có bộ nhật 日 là chẳng đúng. 垠 Âm lương là âm lãng 浪. Âm 塹 tiêm ngược lại âm thiếp hãm 妾陷. Ngược lại âm dưới là dĩ giả 以者. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Ngoài ấp gọi là giao 郊, ngoài giao gọi là mẫu, ngoài mẫu gọi là dã 野. Văn cổ viết là âm mộc 木.

Tự Thị (自侍). Ngược lại âm trên là thời chỉ 時止. Khảo Thanh cho rằng: Thị (侍) là chỗ nương dựa. Thuyết Văn cho rằng: thị là ý lại. Chữ viết từ bộ 心 thanh tự 寺.

Kiêu Cử (僑舉). Ngược lại âm cư yếu 居殍. Thương Hiệt giải thích là Kiêu căng, buông lung. Quảng Nhã cho là tự cao. Cố Dã Vương cho rằng: Tự khoe khoang, buông lung, phách lối, khinh nhờn ngạo mạn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心 thanh kiều 喬.

Tự Thực (自殖). Ngược lại âm thời lực 時力. Theo Toán Vận Tập cho rằng: 殖 thực là trồng cây. Phương Ngôn cho rằng: Dựng thẳng lên, cắm thẳng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ võng 网 viết thành chữ 植 thực. Nay theo lệ sách lược đi bộ võng 罔, hoặc viết từ bộ mộc 木, viết thành chữ thực 植 cũng đồng nghĩa với âm trên.

Kiêu Thuyền (橋船). Ngược lại âm tâm kiều 心驕. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Kiều là cây cầu bắt ngang qua. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc 木 thanh kiều 喬. Trong văn kinh viết chữ kiều 橋 cũng là văn thường hay dùng.

Châu chữ (洲渚). Ngược lại âm trên là chi do 之由. Âm dưới là chi dữ 之與. Nhĩ Nhã cho rằng: Hể trong nước có thể ở được gọi là châu 洲, châu nhỏ thì gọi là chữ 渚. Quảng Nhã cho rằng: “Châu” chỗ ở, “chữ” là dừng lại, hoặc là viết từ bộ Phụ 阜 viết thành chữ chữ 諸 cũng đồng nghĩa.

Hữu Giảm (有減). Ngược lại là âm canh trảm 耕斬. theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Giảm (減) là ít. Thuyết Văn cho rằng: Giảm là hao tổn. Chữ viết từ bộ thủy thanh hàm 咸.

Tễ hạn (劑限). Ngược lại âm tình tế 情細. Khảo Thanh cho rằng: Tễ (劑) là phân đoạn. Vận Thuyên Tập cho rằng: Phân ra từng tế thuốc. Vận Anh Tập cho rằng: Cũng là tế thuốc. Văn kinh viết tễ 劑, văn cổ viết tễ 劑 đều là một nghĩa, hoặc ngược lại âm tình hề 情奚.

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 48**

Sở lận (所吝). Ngược lại âm lân trấn 鄰鎮. Quảng Nhã cho rằng: Lận 吝 là vùng đất ở xa xôi heo lánh, ở vùng biên giới, cũng gọi là thấp hèn. Vận Anh Tập cho rằng: Tiếc của, bủn xỉn. Khảo Thanh gọi là Tham. Chữ viết đúng là lận (吝).

Sung dật (充溢). Ngược lại âm xương long 昌隆. Thuyết Văn cho rằng: Sung (充) là đầy đủ. Chữ viết từ bộ nhân (人) đến bộ dục 育 thành tỉnh 省. Ngược lại âm dân nhất 寅一. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dật (溢) là tràn ra ngoài. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ cho là dư thừa. Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ đựng đồ đã đầy tràn. Chữ viết từ bộ thủy thành ích 益.

Chưng Tế 濟. Chữ chưng là lấy chữ chưng 蒸 này. Chữ thượng thanh. Trước quyển nhất đã giải thích đầy đủ. Ngược lại âm dưới là tề 齊計. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tế (濟) là vượt qua sông. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Có lợi ích. Tiếng địa phương cho rằng: Mãi buồn lo. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hoàn thành, tốt đẹp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh 濟 tế.

-----

**KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**  
**QUYỂN 49**

Sở giả (所遮). Ngược lại âm giả xà 者蛇. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Chờ đợi, hỏi thăm. Thuyết Văn cho là Ngăn chặn, ngăn che. Chữ viết từ bộ sước 辵, đến giả 遮 thành tỉnh 省.

Yết-Lộ-Trà (揭路茶). Tiếng Phạm là Lỗ-chất-bất-diệu 虜質不妙. Đúng âm Phạm là Nghiệt-lỗ-nã 藥嚙. Xưa dịch là Ca-Lâu-La 迦婁羅. Tức là kim xí điểu 金翅鳥, (chim cánh vàng), hoặc gọi là diệu xí điểu 妙翅鳥. Theo kinh Khởi Thế Nhân Bản gọi là Kim xí điểu, loài chim này cùng các loài rồng, gọi là “Bốn sanh”, tức là Noãn, Thai, Thấp, Hóa sanh. (Noãn tức là loài sanh ra trứng, Thai tức là thọ thai sanh ra bằng bào thai. Thấp là sanh ra nơi ẩm ướt. Hóa sanh tức là loài bướm sanh ra). Nhưng loài sanh ra bằng trứng sức mạnh yếu ớt, chỉ ăn loài trứng sinh ra mà thôi. Rồng là loài hóa sanh ra có uy lực rất lớn, có thể ăn cả bốn loài. Loài chim cánh vàng này khi muốn ăn loài rồng, thì

dùng hai cánh quạt nước biển cho cạn đi, nó mới mở cái mỏ ra ngậm các con rông ở cổ nhưng chưa nuốt, khi rông chưa chết, các con chim lớn vây quanh, rồi bay đến cây Trá-Xà-Ma-Lợi đậu trên cây đó rồi nhả ra, dùng mỏ mà ăn. Khi mỏ nó mỏ ăn thịt, tiếng kêu sợ hãi vang khắp, nghe rất khổ sở. Loài chim này cũng tên là Long Oán, (là loài rông oán hận chim này). Loài chim này trên lưng có hai cánh đều màu vàng, nên gọi là chim cánh vàng.

Khẩn-Nại-Lạc (緊捺洛). Tiếng Phạm cũng tên là Lạc Thiên 樂天. Đúng âm Phạm gọi là Khẩn-na-la-ca-thần 緊娜囉歌神. Âm này có ý nghĩa nói thân người con gái sạch đẹp. Tên là Thiên Nữ Chu Lê, có tài múa hát, thường là m chồng vợ với cõi trời Càn-Thát-Bà.

Mạc-Hô-Lạc-Già (莫呼洛伽). Không đúng âm tiếng Phạm. Đúng âm tiếng Phạm gọi là Ma Hộ La Nga 摩護囉赧. Hình người mà đầu rắn, cũng gọi là Mãng Thần 蟒神 (là Thần rắn).

Phụng Cận 奉覲. Ngược lại âm phùng phụng 逢俸. Quảng Nhã cho rằng: Phụng là hiến dâng. Khảo Thanh cho là Tôn kính. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho là Nuôi dưỡng. Thuyết Văn cho rằng: Thừa hành. Chữ viết từ bộ Thủ 手 đến bộ Cung 供, thanh phong diệc 丰亦. Ngược lại âm dưới là 勤 靳 cần cận. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ cho rằng: Cận (覲) là nhìn thấy. Theo Mao Thi Truyện cũng cho là nhìn thấy. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Kiến 見 thanh cần 董. Âm phụng 俸 ngược lại âm phong cũng 豐 拱. Âm phong ngược lại âm phong cận 豐 靳, ngược lại âm cần cận 斤 近.

Bẩm Chánh (稟正). Ngược lại âm 彼 品 bỉ phẩm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ban tặng ngũ cốc cho người. Thuyết Văn chữ viết từ bộ hòa thanh bẩm. Bẩm ngược lại âm lực ẩm 力 飲.

Tiên Thát (鞭撻). Ngược lại âm trên là tất miên 必 綿. Cố Dã Vương cho rằng: Dùng roi da đánh quất người tội gọi là 鞭. Tự Thư giải thích rằng: Dùng roi da quất ngựa. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Cách 革 thanh tiện 便. Ngược lại âm dưới là tha yết 他 悒. Thuyết Văn cho là Thát (鞑) cũng là dùng roi da đánh. Chữ hình thanh.

Khu Bức (驅逼). Ngược lại âm trên là khương vu 羌 于. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Chạy theo sau gọi là khu 驅. Thuyết Văn nói là Ngựa chạy nhanh. Chữ viết từ bộ Mã 馬 thanh khu 區. Ngược lại âm dưới là bi lực (悲力). Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bức (逼) là bức bách khó chịu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho: Là gần gũi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ xước 辵 thanh bức âm bức ngược lại âm phi bức 丕 逼.

Tiêu Nảo (焦惱). Ngược lại âm trên tức diêu 即 姚. Thuyết Văn

cho rằng: Chỗ lửa thiêu đốt. Trong văn kinh viết tiêu 焦 này là chẳng phải bốn chữ. Ngược lại âm dưới nô lão 奴老. Trước quyển ba đã giải thích đây đủ.

Phệ Lưu Ly (吠溜璃). Ngược lại âm trên là phù phế 扶廢. Ngược lại âm kế là lực cưu 力鳩. Âm dưới là ly 離. Tiếng Phạm, tên Bảo quý, hoặc gọi là Tỳ-Lưu-Ly 瓷溜璃, hoặc có thể gọi là 溜璃, đều là sai, lược chuyển thanh. Ở núi Tu-di phía Nam có vật báu này. Vật báu này màu sắc xanh óng ánh trong suốt, có ánh sáng, hề có vật khác đem đến gần thì đều đồng có màu sắc như. Trời Đế-thích dùng để là m tràng hoa trang sức lên đầu. Gọi là vật báu này là ở cõi trời sanh ra gọi là Thần vật là chẳng đúng, là do người thế gian luyện đá tạo ra, là m nấu trong lửa, mới thành lưu ly.

Hoa Mạn (華曼) Âm trên là chữ hoa 花, âm vô hoa 無花. Âm đúng là dưới âm mạn ban 慢班. Chữ giả tá. Âm gốc ngược là âm di nhiên 彌然. Nay không lấy âm theo chữ hoa 花 đó. Người ở xưa Tây Vực là m dụng cụ để trang nghiêm thân, tiếng Phạm gọi là Ma La 麼羅. Âm ma 麼, ngược lại âm mạc khả 莫可, Hán dịch là hoa mạn 花曼. Là người ở xứ Thiên-trúc thường dùng phương pháp lấy loại cây cỏ mà lúc sáng tinh sương chỗ hoa có màu sắc đẹp, dùng sợi chỉ xoắn lại kết thành tràng gọi là Hoa mạn. Bất luận sang hèn, dùng để trang nghiêm thân. Họ đội lên đầu là m trang sức đẹp nên gọi là “Ma La”. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tiêu 艸 thành mạn 曼. Âm tiêu 艸 ngược lại âm tất điều 必姚. Âm mạn 曼 ngược lại âm miên 綿.

Y Dược (醫藥). Ngược lại âm ư cơ 於基. Thuyết Văn cho rằng: Người thầy thuốc trị bệnh. Chữ viết từ bộ đậu 酉 thành Y. Ngược lại âm y hề 伊奚. Văn kinh viết chữ Y này cũng là văn thường dùng thông dụng.

Bích Ngọc (璧玉). Ngược lại âm bi diệc 悲亦. Nhĩ Nhã cho rằng: Bên trong đẹp gấp đôi gọi là bích 璧. Quách Phác cho rằng: Nhục biên lớn đẹp gấp đôi. Theo chữ bích 璧 là hình tròn có lỗ, là viên ngọc rất đẹp, tròn đầy, khác hơn các viên ngọc khác. Thuyết Văn nói gọi là viên ngọc dùng để là m tin. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 thành tích 辟.

Câu Chi (俱胝) âm tri 知. Tiếng Phạm là pháp số, người nước này lấy con số giữa thời gian, con số nhỏ nhất là mười triệu gọi là một kinh. Nếu lấy theo lịch toán, trong số tới một ngàn muôn.

Na-du-đa (那庾多). Cũng là pháp số. Tiếng Phạm ở phương Tây. Theo Luận Câu Xá gọi là hai mươi muôn biến. Người nước này lấy con số nhỏ nhất giao nhau là hai mươi triệu gọi là một câu. Nếu lấy theo



lịch toán, thì trong số là hai mươi muôn biến gọi là na du đa 那 庾 多, xứ này gọi là Thiên ức.

Trượng Khối (杖 塊). Ngược lại âm trường lưỡng 長 兩. Ngược lại âm dưới là khôi hội 魁 潰. Văn cổ viết là giới 界. Chữ tượng hình. Thuyết Văn cho là Đổng đất. Âm bức, ngược lại âm phổ lực 普 力. Chữ viết từ bộ Thổ 土 thanh khôi 魁, tỉnh 省.

Cù đạo 衢 道. Ngược lại âm cụ vu 具 于. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Một con đường thông suốt gọi là lộ 路, bốn con đường thông suốt gọi là cù 衢. Quách Phác cho rằng: bốn con đường giao nhau (gọi là ngã tư). Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hành 行 thanh cù 瞿.

Cao ác (睪 惡). Ngược lại âm trên là bồ mạo 蒲 冒. Quảng Nhã cho là Vội vàng, gấp gáp. Khảo Thanh cho là Mạnh mẽ. Vận Anh Tập cho rằng: Xâm chiếm. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Nhật 日 nhật, đến bộ viết 日 đến chữ củng 拱 đến bộ phong 丰 thanh cao 皋 tỉnh 省. Âm phong 丰 là âm thao 昏. Ngược lại âm dưới là ô các 烏 各. Thuyết Văn cho rằng: ác 惡 là không tốt, có lỗi. Chữ viết từ bộ á 亞 đến bộ tâm 心 là chữ viết đúng. Trong kinh viết từ bộ tây 西 đến bộ tâm 心 tâm viết thành chữ ác 惡, văn thường dùng là sai.

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 50

Vô phược vô giải (無 縛 無 解). Ngược lại âm phòng bác 房 博. Khảo Thanh cho rằng: Ràng buộc, cột chặt. Thuyết Văn nói bó lại. Chữ viết từ bộ mạch 糸 đến bộ bác 博, thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là giai mại 皆 賣. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký: Giải thích. Thuyết Văn cho rằng: Phán đoán. Chữ viết từ bộ lực 力, ngư 牛, giác 角. Văn thường dùng âm đó là chẳng đúng.

( Quyển 51, không có âm để giải thích.)

